TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH QNA** Số: 90/2025/HNGĐ-ST Ngày 29/4/2025 *V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng".*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D,TỈNH QNA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Vân.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Trung Thiêng.**
2. Bà **Trần Thị Thúy Nga**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Huỳnh Tiểu Luận** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Tình** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Thuỳ Tr**, sinh năm 1970. Có mặt.

HKTT: Tổ 14, thôn Phú Nh, xã D, huyện D, tỉnh Qna.

Hiện trú tại: E4/3B khu phố 5, thị trấn T, huyện B, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Bùi M**, sinh năm 1970. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 14, thôn B, xã D, huyện D, Q N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 12/02/2025, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Thùy Tr trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr và ông Nguyễn Bùi M sau thời gian tìm hiểu, yêu đương thì cả hai tự nguyện sống chung tại xã Duy Phú như vợ chồng từ tháng 12 năm 1988 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Đến năm 1997, cả hai bất đồng mâu thuẫn sống, thường xuyên cãi vả do ông Minh có quan hệ với người phụ nữ khác. Sau đó thì cả hai sống ly thân, phần ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Nay, bà Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tr và ông Nguyễn Bùi M.

* Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Minh Tâm, sinh ngày 23/3/1989 và Nguyễn Thị Kiều Ngọc, sinh ngày 14/02/1994. Cả hai đều đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân.

* Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản trả lời ý kiến ngày 14/3/2025 và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Bùi M trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông Minh thống nhất với lời trình bày của bà Tr. Ông bà sống chung như vợ chồng từ cuối năm 1988 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cấp xã sau đó thì gia đình vào thành phố Hồ Chí Minh lập nghiệp, sinh sống. Đến năm 2018 thì giữa hai ông bà phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong cuộc sống. Do không có tiếng nói chung với nhau, hết tình cảm nên ông Minh về quê sống tại xã Duy Phú từ đó đến nay. Còn bà Tr thì sống cùng với hai con tại thành phố Hồ Chí Minh. Nay, ông Minh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Tr về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông bà.

* Về con chung: Ông Minh thống nhất với lời trình bày của bà Tr về con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án gồm: Đơn xin xác nhận về tình trạng hôn nhân, 02 giấy khai sinh (bản sao); 01 đơn xin xác nhận nơi cư trú, 02 bản sao căn cước công dân.

Tại biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Phước Sơn - Cán bộ Hộ tịch Tư pháp xã Duy Phú cho biết: Qua kiểm tra tài liệu, sổ sách lưu trữ liên quan đến việc đăng ký kết hôn của công dân tại Uỷ ban nhân dân xã Duy Phú từ thời gian năm 1988 đến nay không có trường hợp bà Phan Thị Thùy Tr và ông Nguyễn Bùi M đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Duy Phú.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Phan Thị Thùy Tr và ông Nguyễn Bùi M là vợ chồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về Tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Bùi M có địa chỉ tại xã Duy Phú, huyện D, tỉnh Qna nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có mặt tại phiên tòa nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr và ông Minh chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cho đến năm 2018 thì cả hai xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau. Trong thời gian này, mặc dầu cả hai có đủ điều kiện kết hôn nhưng vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân năm 1986, khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; do bà Tr và ông Minh không làm thủ tục đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa hai ông bà không có giá trị pháp lý và không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại phiên tòa, ông Minh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Tr về việc không công nhận vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Phan Thị Thùy Tr và ông Nguyễn Bùi M là vợ chồng.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn Minh Tâm, sinh ngày 23/3/1989 và Nguyễn Thị Kiều Ngọc, sinh ngày 14/02/1994. Cả hai đều đã trưởng thành, có gia đình riêng và tự lao động, nuôi sống được bản thân.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà Tr, ông Minh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Phan Thị Thùy Tr phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Thùy Tr và ông Nguyễn Bùi M.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Thùy Tr phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 12544 ngày 12/2/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Qna.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/4/2025).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Qna;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- UBND xã Duy Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hồng Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa